

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2022

V/v: Tranh chấp Xin ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Sông.

2. Bà Lê Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Giàng Chấn Sô - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2021 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Huy Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt có lý do).

- Bị đơn: Chị Dương Thị Trung H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ liên hệ: Phố D, phường V, Hà Nội (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 04/10/2021; Bản tự khai đề ngày 20/10/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Đỗ Huy Đ trình bày:*

Anh và chị Dương Thị Trung H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/05/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về Hải Phòng làm ăn, chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ năm 2012 chị H đã bỏ đi làm ăn không liên lạc gì với anh cũng không quan tâm, hỏi han gì đến con cái, để một mình anh nuôi dạy con gái nhỏ từ đó đến nay. Anh được biết là chị H đã bỏ về quê tại phường Q, thành phố H sinh sống và hiện nay đã đi làm ăn ở Hà Nội,

nhưng chị H làm gì, ở đâu cũng không thông báo cụ thể cho gia đình được biết. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm gì đến nhau nữa, thời gian ly thân quá lâu không thể hàn gắn chia sẻ được, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Dương A, sinh ngày 20/01/2008. Chị H bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay anh là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Dương A, hiện nay cháu đang chung sống cùng với anh và đi học tại thành phố Hải Phòng, cả hai bố con đều có cuộc sống rất ổn định. Vì vậy khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Dương A cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Dương Thị Trung H:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã ra Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị H đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn đều không có mặt, không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị H ở tại phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tổ trưởng tổ phường Q và Công an phường Q, thành phố Hà Giang đã xác nhận chị Dương Thị Trung H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Hiện tại chị H không có mặt ở địa phương, tổ dân phố chỉ nắm được là chị H đi làm ăn xa, còn chị H hiện nay làm gì, ở đâu thì chị H không thông báo cho tổ được biết nên tổ không nắm được, chị H thỉnh thoảng có về thăm nhà vài ngày xong lại đi. Do anh Đ, chị H không sinh sống thường xuyên tại tổ nên tình trạng hôn nhân của anh chị như thế nào tổ cũng không nắm được. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo các quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai; Tòa án không ghi được lời khai, không tổ chức được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hoà giải vụ án được.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Huy Đ vắng mặt, ngày 29/11/2021 anh Đ đã có đơn trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị Trung H. Anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn chị H không quan tâm gì đến chồng, con. Con sinh hoạt, học hành thế nào chị H cũng không biết, không quan tâm hỏi han, vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài không còn quan tâm, chăm sóc, tôn trọng, tin tưởng nhau nữa nên không thể quay lại chung sống cùng nhau được.

Về con chung: Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Dương A, sinh ngày 20/01/2008 vì cháu ở với anh từ nhỏ, năm 2012 chị H đã bỏ con đi và hiện nay cháu vẫn đang do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu đang đi học ổn định tại thành phố Hải Phòng. Anh cũng không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bị đơn Dương Thị Trung H vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày và ý kiến, đề nghị gì.

** Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Hà Giang:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh Đỗ Huy Đ được ly hôn với chị Dương Thị Trung H; Về con chung: Giao cháu Đỗ dương A, sinh ngày 20/01/2008 cho anh Đỗ Huy Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Buộc anh Đỗ Huy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Đỗ Huy Đ về việc xin ly hôn chị Dương Thị Trung H, bị đơn chị H có địa chỉ cư trú tại: Tổ phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn Dương Thị Trung H hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã trao đổi với chị H qua số điện thoại do anh Đ cung cấp, chị H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án do Tòa án gửi đến địa chỉ nơi chị H đang làm thuê (*Thông tin vận đơn của Bưu điện BL 23, 24*), nhưng chị H không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án theo yêu cầu. Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn, anh Đỗ Huy Đ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (*BL 34*).

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Huy Đ và chị Dương Thị Trung H xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2012 chị H đã bỏ đi làm ăn không liên lạc với anh Đ, cũng không quan tâm, hỏi han con cái, để một mình anh Đ nuôi dạy con nhỏ từ đó đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"; "2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác..."*. Tuy nhiên, chị H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vợ, bỏ đi nơi khác làm ăn không liên lạc với chồng, không cùng nhau chung sống cũng như làm việc đóng góp kinh tế nuôi dạy con cái, không hỏi han, quan tâm nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh Đ, chị H có 01 con chung là cháu Đỗ dương A, sinh ngày 20/01/2008. Xét thấy, hiện nay chị H đã bỏ đi, không có nơi cư trú ổn định, gia đình không biết chị H đang ở đâu, làm gì, có khả năng kinh tế nuôi dưỡng con hay không. Mặt khác hiện tại anh Đ vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ dương A, theo xác nhận của Ban giám hiệu trường THCS Lương Khánh T, quận K, thành phố Hải phòng thì cháu Đỗ dương A hiện nay đang là học sinh lớp 8A5 của trường (BL 09). Căn cứ biên bản ghi ý kiến nguyện vọng con chung ngày 20/10/2021 v/v ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Đỗ dương A thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố (BL 29) và Biên bản về việc tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, về trẻ em (BL 35, 36) và xem xét điều kiện thực tế để chăm sóc, giáo dục con chung. Tại phiên toà chị H cũng không có mặt, do đó HĐXX xét thấy cần giao cháu Đỗ dương A cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Đỗ dương A, sinh ngày 20/01/2008 cho anh Đỗ Huy Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[6] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Huy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Huy Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Đỗ Huy Đ được ly hôn chị Dương Thị Trung H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Đỗ dương A, sinh ngày 20/01/2008 cho anh Đỗ Huy Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đỗ dương A đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. *Về án phí:* Anh Đỗ Huy Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000563, ngày 05/10/2021 (Phan Quỳnh T nộp thay),

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Đỗ Huy Đ; chị Dương Thị Trung H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- UBND xã H, huyện H, Thái Bình;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Mỹ Lệ